TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2026
V/*v Ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Thạch Bồn; Ông Lê Văn Cam.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đào Thị Toan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 402/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Vũ Văn H, sinh ngày 19/12/1993, CCCD số: 030093021143 cấp ngày 15/9/2023; ĐKTT: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Hải Phòng; Hiện đang làm việc tại Đài Loan.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Phạm Hà H1, sinh ngày 22/8/1999, CCCD số: 089199000116, cấp ngày 25/6/2021; ĐKTT: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Hải Phòng; Hiện đang làm việc tại Đài Loan.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai nguyên đơn anh Vũ Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Phạm Hà H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 12/6/2019 tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay phường T, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn anh và chị H1 chung sống tại gia đình nhà anh ở TDP L, phường T, thành phố Hải Phòng, được một vài tháng thì anh lại tiếp tục sang Đài loan làm việc, còn chị

H1 vẫn ở cùng bố mẹ anh. Do vợ chồng sống xa nhau, thiếu sự quan tâm, tin tưởng nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Anh và chị H1 đã nhiều lần nói chuyện tìm cách khắc phục nhưng không thành. Năm 2025 chị H1 cũng sang Đài Loan lao động, nhưng anh chị cũng không ở cùng nhau, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, kinh tế của ai người đó tự lo. Đến nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H1.

Về con chung: Anh và chị H1 có 1 con chung là Vũ Thị Diệu L, sinh ngày 22/9/2017. Anh đề nghị giao con chung cho anh nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con. Do anh đang làm việc tại nước ngoài nên ủy quyền cho mẹ anh bà Phạm Thị T chăm sóc cho đến khi anh về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H1 không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H1 cũng nhất trí ly hôn nhưng không về Việt Nam được nên đã gửi bản tự khai, đơn đề nghị vắng mặt và ủy quyền cho anh giao nhận các tài liệu tại Tòa án. Anh đã thông báo về các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho chị H1 biết, chị H1 vẫn giữ nguyên quan điểm.

Theo bản tự khai, đơn đề nghị không hòa giải, đơn xin vắng mặt, giấy ủy quyền chị Vũ Phạm Hà H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 trình bày thống nhất với anh H1 về thời điểm, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn chị sinh sống ở phường T còn anh H làm việc ở nước ngoài thỉnh thoảng mới về nước thăm mẹ con chị. Do anh chị sống xa nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2025 chị cũng sang Đài Loan lao động nhưng chị và anh H không chung sống cùng nhau, cuộc sống của ai người đó lo. Đến nay chị và anh H đều nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên thống nhất ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 1 con chung là Vũ Thị Diệu L, sinh ngày 22/9/2017, hiện nay con đang sống ở Việt Nam cùng bà nội, chị nhất trí quan điểm của anh Hát về việc nuôi con chung, đề nghị tạm giao con cho bà Phạm Thị T chăm sóc cho đến khi anh H về Việt Nam. Về cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Hiện chị đang làm việc tại Đài Loan không về Việt Nam được nên đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa giải quyết vụ án. Chị ủy quyền cho anh H giao nhận các văn bản tài liệu tại Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Ht. Sau khi anh H, chị H1 kết hôn được vài tháng thì anh H sang Đài Loan lao động còn mẹ con chị H1 vẫn ở cùng bà. Đến năm 2025 chị H1 cũng sang Đài Loan lao động nhưng anh chị cũng không ở cùng nhau, mỗi người một nơi. Quá trình chung sống bên Đài Loan vợ chồng anh H, chị H1 có mâu thuẫn gì hay không bà không rõ. Nay anh H về Việt Nam, bà được biết anh H, chị H1 đã thống nhất ly hôn, nuôi con chung. Bà không muốn các con ly hôn nhưng đó là việc riêng của vợ chồng anh H, chị H1 bà không can thiệp. Về con chung: Anh H, chị H1 có 1 con chung là Vũ Thị Diệu L, hiện nay cháu đang ở với bà. Trường hợp vợ chồng anh H ly hôn, anh H được giao nuôi con bà đồng ý nhận sự ủy quyền của anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L cho đến khi anh H về Việt Nam.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn H ly hôn với chị Vũ Phạm Hà H1; Về con chung: Giao con chung là Vũ Thị Diệu L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh H, không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Tạm giao con Vũ Thị Diệu L cho bà Phạm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Hvề Việt Nam; Về án phí: Anh H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Hải Phòng; Hiện đang làm việc ở Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng.

Bị đơn chị Vũ Phạm Hà H1 mặc dù không có mặt tại Việt Nam nhưng các tài liệu của chị H gửi về gồm: Bản tự khai, đơn đề nghị không hòa giải, đơn

xin vắng mặt, giấy ủy quyền đều có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm của chị H1 là hoàn toàn tự nguyện.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn H, chị Vũ Phạm Hà H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/6/2019 tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường T, thành phố Hải Phòng) là hôn nhân hợp pháp. Anh H xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng sống xa nhau lâu nên không còn tình cảm với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H1 ly hôn. Chị H1 trình bày thống nhất quan điểm với anh H và xác định anh chị không còn tình cảm với nhau, nhất trí ly hôn. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H, chị H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, xử cho anh H được ly hôn với chị H1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh H, chị H1 có 1 con Vũ Thị Diệu L, sinh ngày 22/9/2017. Anh H đề nghị giao con chung cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con, do anh đang làm việc ở nước ngoài nên ủy quyền cho mẹ đẻ anh là bà Phạm Thị T, nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh về Việt Nam. Chị H1, bà T nhất trí quan điểm của anh H. Xét thấy từ khi anh H, chị H1 đi lao động ở nước ngoài đã gửi con cho bà T chăm sóc, cháu L hiện đã trên 7 tuổi, trình bày nguyện vọng xin được ở với bố. Do đó chấp nhận yêu cầu của anh H, giao con chung Vũ Thị Diệu L cho anh H nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con. Tạm giao con chung Vũ Thị Diệu L cho bà Phạm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn H xử cho anh Vũ Văn H ly hôn chị Vũ Phạm Hà H1.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Thị Diệu L, sinh ngày 22/9/2017 cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Hát không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Tạm giao con chung Vũ Thị Diệu L cho bà Phạm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H về Việt Nam.

3. Án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0000653 ngày 17 tháng 7 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, anh H đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 12 - Hải Phòng;
- Đương sự;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Tứ Minh, Hải Phòng (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy